



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/2026/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm mỗi xã một sản phẩm

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm mỗi xã một sản phẩm.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về Bộ tiêu chí, công tác đánh giá, phân hạng, công nhận, nâng hạng, công nhận lại sản phẩm mỗi xã một sản phẩm (sau đây gọi là OCOP), thu hồi giấy chứng nhận kết quả phân hạng sản phẩm OCOP (sau đây gọi là giấy chứng nhận) và công tác kiểm tra, giám sát sản phẩm OCOP sau khi được công nhận.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương có liên quan; Ủy ban nhân dân các cấp; cơ quan chuyên môn, cơ quan tham mưu quản lý OCOP các cấp; Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP và Tổ tư vấn Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP các cấp; hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại, hộ sản xuất và hộ gia đình có đăng ký kinh doanh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan tới nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Sản phẩm, đối tượng tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP

1. Sản phẩm OCOP là sản phẩm đặc sản, đặc sắc, có nguồn gốc và mang đặc trưng của địa phương (làng, xã), được sản xuất theo tiêu chuẩn gắn với các giá trị văn hoá truyền thống, bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội, hướng đến phát triển xanh, bền vững và được cơ quan quản lý nhà nước công nhận theo Bộ tiêu chí được quy định tại Quyết định này.

2. Sản phẩm tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP bao gồm 06 nhóm sản phẩm: thực phẩm; đồ uống; dược liệu và sản phẩm từ dược liệu; hàng thủ công mỹ nghệ; sinh vật cảnh; dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch. Danh mục phân loại sản phẩm tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (sau đây gọi là chủ thể OCOP) bao gồm: hợp tác xã; tổ hợp tác; doanh nghiệp nhỏ và vừa; trang trại, hộ sản xuất, hộ gia đình có đăng ký kinh doanh. Đối với nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch bao gồm thêm: hội, hiệp hội, trung tâm điều hành hoặc tổ chức tương đương.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ BỘ TIÊU CHÍ, QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, PHÂN HẠNG, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM TRA, GIÁM SÁT SẢN PHẨM OCOP

Điều 3. Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP

1. Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP gồm 03 phần:

a) Phần A: Các tiêu chí đánh giá về sản phẩm và sức mạnh cộng đồng (40 điểm), gồm tổ chức sản xuất, phát triển sản phẩm, sức mạnh cộng đồng.

b) Phần B: Các tiêu chí đánh giá về khả năng tiếp thị (25 điểm), gồm tiếp thị, câu chuyện sản phẩm.

c) Phần C: Các tiêu chí đánh giá về chất lượng sản phẩm (35 điểm), gồm chỉ tiêu cảm quan, dinh dưỡng, tính độc đáo của sản phẩm, công bố chất lượng sản phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm, hướng dẫn sử dụng, cơ hội trị trường toàn cầu.

2. Tiêu chí đánh giá từng nhóm, phân nhóm sản phẩm tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Phân hạng sản phẩm OCOP căn cứ vào kết quả đánh giá sản phẩm theo Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP. Tổng điểm đánh giá cho mỗi sản phẩm tối đa là 100 điểm và được phân thành 05 hạng:

a) Hạng 5 sao (cấp quốc gia): Tổng điểm trung bình đạt từ 90 đến 100 điểm, là sản phẩm đặc trưng, có thương hiệu, đạt tiêu chuẩn chất lượng cao và hội tụ điều kiện để xuất khẩu.

b) Hạng 4 sao (cấp tỉnh): Tổng điểm trung bình đạt từ 70 đến dưới 90 điểm, là sản phẩm đặc trưng, từng bước có thương hiệu, đáp ứng yêu cầu về chất lượng và tiếp cận thị trường tốt, có tiềm năng nâng cấp lên hạng 5 sao.

c) Hạng 3 sao (cấp tỉnh): Tổng điểm trung bình đạt từ 50 đến dưới 70 điểm, là sản phẩm có đặc thù, có sự ổn định về chất lượng, được quản lý và thương mại ổn định, có thể nâng cấp lên hạng 4 sao.

d) Hạng 2 sao: Tổng điểm trung bình đạt từ 30 đến dưới 50 điểm, là sản phẩm bước đầu hình thành chất lượng, có thể tiếp tục nâng cấp để nâng lên hạng 3 sao.

đ) Hạng 1 sao: Tổng điểm trung bình đạt dưới 30 điểm, là sản phẩm sơ khai, chưa được thương mại, có thể nâng cấp lên hạng 2 sao.

Điều 4. Công tác đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP

1. Công tác đánh giá, phân hạng và công nhận sản phẩm OCOP gồm 2 cấp: cấp tỉnh và cấp trung ương, cụ thể như sau:

a) Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) cấp tỉnh tổ chức đánh giá, phân hạng và quyết định công nhận, cấp giấy chứng nhận cho sản phẩm OCOP 3 sao, 4 sao. Đối với sản phẩm đạt 1 sao hoặc 2 sao, không ban hành quyết định công nhận và không cấp giấy chứng nhận.

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức đánh giá, phân hạng và quyết định công nhận, cấp giấy chứng nhận cho sản phẩm OCOP 5 sao.

2. Việc tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và tuân thủ pháp luật về cạnh tranh, góp phần giúp các chủ thể OCOP nâng cao năng lực, giá trị sản phẩm và mở rộng thị trường.

3. Giấy chứng nhận cho sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên có giá trị trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 5. Thời gian tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP

1. UBND cấp tỉnh tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh ít nhất 02 đợt trong năm. Đợt 01 trước ngày 30 tháng 6 đối với các hồ sơ được UBND cấp xã đề nghị trước ngày 30 tháng 4; đợt 02 trước ngày 30 tháng 12 đối với các hồ sơ được UBND cấp xã đề nghị trước ngày 30 tháng 10.

Căn cứ số lượng hồ sơ đăng ký và điều kiện thực tế của địa phương, UBND cấp tỉnh có thể tổ chức thêm các đợt đánh giá trong năm, nhưng phải được quy định trong Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh (sau đây gọi là Hội đồng cấp tỉnh) và có kế hoạch đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp quốc gia ít nhất 02 đợt trong năm. Đợt 01 trước ngày 30 tháng 9 đối với các hồ sơ được UBND cấp tỉnh đề nghị trước ngày 30 tháng 7; đợt 02 trước ngày 30 tháng 3 đối với các hồ sơ được UBND cấp tỉnh đề nghị trước ngày 30 tháng 01.

Căn cứ số lượng hồ sơ do các địa phương đề nghị và yêu cầu trong công tác quản lý, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có thể tổ chức thêm các đợt đánh giá trong năm, nhưng phải được quy định trong Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp trung ương (sau đây gọi là Hội đồng cấp trung ương) và có kế hoạch đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

Điều 6. Hồ sơ đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP

1. Hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (sau đây gọi là hồ sơ sản phẩm) do chủ thể OCOP chuẩn bị, bao gồm:

a) Hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng (lần đầu): Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này; Báo cáo tự đánh giá về sản phẩm theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá, nâng hạng: Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này; Báo cáo tự đánh giá về sản phẩm theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này, trong đó phải thể hiện rõ nội dung và tài liệu minh chứng về những thay đổi so với sản phẩm OCOP đã được công nhận.

c) Hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng lại sản phẩm OCOP: Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này; Báo cáo tự đánh giá về sản phẩm theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này; đồng thời, cập nhật những nội dung mới và kết quả sau thời gian sản phẩm OCOP được công nhận về: nguyên liệu, công nghệ sử dụng, bao bì, nhãn mác, công bố chất lượng, các phiếu kiểm nghiệm định kỳ, thị trường tiêu thụ, sản lượng, doanh thu và bổ sung minh chứng các giấy tờ pháp lý có thời hạn.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh, do UBND cấp xã chuẩn bị, bao gồm:

a) Văn bản của UBND cấp xã đề nghị UBND cấp tỉnh đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

b) Báo cáo của UBND cấp xã đánh giá một số nội dung của hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Hồ sơ sản phẩm.

d) Sản phẩm mẫu (do chủ thể OCOP cung cấp): 05 sản phẩm mẫu được gửi kèm theo hồ sơ (trừ nhóm sản phẩm Dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch).

3. Hồ sơ đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP 5 sao, do UBND cấp tỉnh chuẩn bị, bao gồm:

a) Hồ sơ đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP 5 sao (lần đầu): Văn bản của UBND cấp tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP; báo cáo đánh giá của Tổ tư vấn Hội đồng cấp tỉnh; báo cáo đánh giá của Hội đồng cấp tỉnh; Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá của Chủ tịch UBND cấp tỉnh; hồ sơ sản phẩm; các văn bản xác nhận kiểm tra, kiểm nghiệm bổ sung của cấp tỉnh (nếu có); sản phẩm mẫu (05 sản phẩm mẫu do chủ thể OCOP cung cấp, trừ nhóm sản phẩm Dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch).

b) Hồ sơ đề nghị đánh giá, phân hạng lại sản phẩm OCOP 5 sao: Văn bản của UBND cấp tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị đánh giá, phân hạng lại sản phẩm OCOP 5 sao; báo cáo đánh giá của cơ quan tham mưu quản lý OCOP cấp tỉnh; hồ sơ sản phẩm; các văn bản xác nhận kiểm tra, kiểm nghiệm bổ sung của cấp tỉnh (nếu có); sản phẩm mẫu (05 sản phẩm mẫu do chủ thể OCOP cung cấp, trừ nhóm sản phẩm Dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch).

Điều 7. Trình tự đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP

1. Chuẩn bị hồ sơ sản phẩm

Chủ thể OCOP chuẩn bị hồ sơ sản phẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này; nộp hồ sơ cho UBND cấp xã, gồm: 01 bộ hồ sơ giấy và 01 bộ hồ sơ điện tử.

Trường hợp sử dụng phần mềm đánh giá, chấm điểm, chủ thể OCOP chịu trách nhiệm đưa hồ sơ lên hệ thống phần mềm. Hồ sơ do chủ thể OCOP cung cấp trên hệ thống phần mềm có giá trị pháp lý như hồ sơ giấy.

2. Tiếp nhận và đánh giá một số nội dung của hồ sơ sản phẩm tại UBND cấp xã

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ sản phẩm, UBND cấp xã:

a) Kiểm tra về thành phần hồ sơ, đánh giá về các nội dung sau đây: nguồn gốc sản phẩm, nguyên liệu địa phương; sử dụng lao động địa phương; nguồn gốc ý tưởng sản phẩm; bản sắc, trí tuệ địa phương, trong đó đánh giá về các giá trị văn hóa, tri thức bản địa về giống, nguyên liệu, điều kiện, kinh nghiệm sản xuất của cộng đồng và phương thức sản xuất đặc trưng của địa phương tạo nên sự khác biệt của sản phẩm.

Căn cứ vào điều kiện, đặc điểm thực tế của địa phương, trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức họp với các bộ phận liên quan để lấy ý kiến về nội dung đánh giá.

b) Ban hành Báo cáo đánh giá theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này, văn bản đề nghị UBND cấp tỉnh đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP; gửi hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này (gồm 01 bộ hồ sơ giấy và 01 bộ hồ sơ điện tử) đến UBND cấp tỉnh.

3. Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh:

a) UBND cấp tỉnh giao cơ quan tham mưu quản lý OCOP cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP từ UBND cấp xã. Cơ quan tham mưu quản lý OCOP cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ; tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND cấp tỉnh; trường hợp cần thiết, thông báo và hướng dẫn UBND cấp xã, chủ thể OCOP hoàn thiện hồ sơ.

b) Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập Hội đồng cấp tỉnh và Tổ tư vấn Hội đồng cấp tỉnh; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng cấp tỉnh.

Thành phần Hội đồng cấp tỉnh gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thành viên Hội đồng gồm đại diện Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở An toàn thực phẩm (nếu có), đại diện đơn vị tham mưu quản lý OCOP cấp tỉnh và đại diện một số đơn vị quản lý chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan chuyên môn cấp tỉnh làm chủ tịch Hội đồng cấp tỉnh, nhưng phải chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP. Căn cứ yêu cầu và nội dung chuyên môn, Chủ tịch UBND cấp tỉnh có thể quyết định mời các chuyên gia tư vấn về OCOP, đại diện các hiệp hội, hội và cơ quan, tổ chức khác tham gia Hội đồng cấp tỉnh.

c) Tổ tư vấn Hội đồng cấp tỉnh tổ chức đánh giá hồ sơ theo Quy chế hoạt động của Hội đồng cấp tỉnh; đề xuất bổ sung hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cơ sở sản xuất, kinh doanh về thực hiện các quy định theo Bộ tiêu chí và đề nghị bổ sung kết quả kiểm nghiệm chất lượng (nếu cần); xây dựng báo cáo đánh giá gửi Chủ tịch Hội đồng cấp tỉnh.

d) Hội đồng cấp tỉnh tổ chức họp theo Quy chế hoạt động của Hội đồng cấp tỉnh, báo cáo kết quả đánh giá, phân hạng, đề xuất Chủ tịch UBND cấp tỉnh công nhận đối với các sản phẩm OCOP đáp ứng tiêu chí theo quy định.

đ) Căn cứ kết quả đánh giá, phân hạng và đề xuất của Hội đồng cấp tỉnh, cơ quan tham mưu quản lý OCOP cấp tỉnh tổng hợp, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định công nhận, cấp giấy chứng nhận cho sản phẩm OCOP đạt 3 sao, 4 sao.

e) Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận kết quả đánh giá, cấp giấy chứng nhận cho sản phẩm OCOP đạt 3 sao, 4 sao và công bố kết quả.

Đối với các sản phẩm có tiềm năng đạt 5 sao (đạt từ 90 trở lên), Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt kết quả đánh giá; UBND cấp tỉnh có văn bản và gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quyết định này (gồm 01 bộ hồ sơ giấy và 01 bộ hồ sơ điện tử) đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP 5 sao.

g) UBND cấp tỉnh giao cơ quan tham mưu quản lý OCOP cấp tỉnh thông báo bằng văn bản về kết quả đánh giá, phân hạng cho UBND cấp xã và các chủ thể OCOP.

4. Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp trung ương

a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao cơ quan tham mưu quản lý OCOP của Bộ tiếp nhận hồ sơ đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP từ UBND cấp tỉnh. Cơ quan tham mưu quản lý OCOP của Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra hồ sơ; tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập Hội đồng cấp trung ương và Tổ tư vấn Hội đồng cấp trung ương; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng cấp trung ương.

Thành phần Hội đồng OCOP cấp trung ương gồm: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, thành viên Hội đồng là đại diện Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, đại diện cơ quan tham mưu quản lý OCOP của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đại diện một số cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Bộ làm chủ tịch Hội đồng cấp trung ương, nhưng phải chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP. Căn cứ yêu cầu và nội dung chuyên môn, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường có thể quyết định mời các chuyên gia tư vấn về OCOP, chuyên gia thuộc tổ chức, đơn vị kiểm định chất lượng, đại diện các hiệp hội, hội, cơ quan, tổ chức khác tham gia Hội đồng.

c) Tổ tư vấn Hội đồng cấp trung ương tổ chức đánh giá hồ sơ theo Quy chế hoạt động của Hội đồng cấp trung ương; đề xuất bổ sung hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cơ sở sản xuất, kinh doanh về thực hiện các quy định theo Bộ tiêu chí và đề nghị bổ sung kết quả kiểm nghiệm chất lượng (nếu cần), xây dựng báo cáo đánh giá gửi Chủ tịch Hội đồng cấp trung ương.

d) Hội đồng cấp trung ương tổ chức họp theo Quy chế hoạt động của Hội đồng cấp trung ương, báo cáo kết quả đánh giá và đề nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận sản phẩm OCOP 5 sao đối với các sản phẩm OCOP đáp ứng tiêu chí theo quy định.

đ) Căn cứ kết quả đánh giá, phân hạng và đề nghị của Hội đồng cấp trung ương, cơ quan tham mưu quản lý OCOP của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định công nhận kết quả đánh giá và cấp giấy chứng nhận cho các sản phẩm OCOP đạt 5 sao.

e) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định công nhận kết quả đánh giá và cấp giấy chứng nhận cho các sản phẩm OCOP đạt 5 sao và công bố kết quả.

g) Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cho UBND cấp tỉnh.

Trường hợp sản phẩm không đạt 90 điểm, Chủ tịch UBND cấp tỉnh có thể căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng cấp trung ương để xem xét, quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận cho sản phẩm OCOP đạt 3 sao, 4 sao hoặc tổ chức đánh giá và phân hạng sản phẩm theo thẩm quyền.

5. Căn cứ kết quả phát triển sản phẩm, trường hợp chủ thể OCOP đăng ký tham gia đánh giá, nâng hạng sản phẩm OCOP thì thực hiện như sau:

a) Chủ thể OCOP chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá, nâng hạng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Quyết định này. UBND cấp xã chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này. UBND cấp tỉnh chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Quyết định này.

b) Trình tự, thủ tục đánh giá, nâng hạng thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

6. Khi hết thời hạn 36 tháng của giấy chứng nhận, trường hợp chủ thể OCOP đề nghị đánh giá, phân hạng lại sản phẩm thì thực hiện như sau:

a) Chủ thể OCOP chuẩn bị hồ sơ sản phẩm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Quyết định này, nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thời gian nộp hồ sơ không sớm hơn 180 ngày và không muộn hơn 120 ngày tính đến ngày hết thời hạn của giấy chứng nhận.

b) Tiếp nhận và đánh giá một số nội dung của hồ sơ sản phẩm tại UBND cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Việc tiếp nhận hồ sơ từ UBND cấp xã, kiểm tra hồ sơ, thành lập, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng cấp tỉnh theo quy định tại các điểm a và b khoản 3 Điều này. Cơ quan tham mưu quản lý OCOP cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở đối với những sản phẩm có thay đổi về lớn quy mô sản xuất hoặc hồ sơ minh chứng không rõ ràng, cần phải khảo sát thực tế; lập báo cáo đánh giá về hồ sơ gửi Chủ tịch Hội đồng cấp tỉnh.

d) Hội đồng cấp tỉnh thực hiện đánh giá thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản; chỉ tổ chức họp trực tiếp khi có nhiều ý kiến đánh giá khác nhau hoặc có nội dung phức tạp cần thảo luận; báo cáo kết quả đánh giá, phân hạng, đề xuất Chủ tịch UBND cấp tỉnh công nhận đối với các sản phẩm OCOP đáp ứng tiêu chí theo quy định.

đ) Việc tổng hợp, trình, quyết định công nhận, phê duyệt kết quả đánh giá, cấp giấy chứng nhận cho sản phẩm OCOP, công bố, thông báo kết quả đánh giá, phân hạng thực hiện theo quy định tại các điểm đ, e và g khoản 3 Điều này.

e) Trường hợp UBND cấp tỉnh gửi hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị đánh giá, công nhận lại đối với sản phẩm OCOP 5 sao:

Việc tiếp nhận hồ sơ từ UBND cấp tỉnh, kiểm tra hồ sơ, thành lập, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng cấp trung ương theo quy định tại các điểm a và b khoản 4 Điều này. Cơ quan tham mưu quản lý OCOP của Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở đối với những sản phẩm có thay đổi lớn về quy mô sản xuất hoặc hồ sơ minh chứng không rõ ràng, cần phải khảo sát thực tế; lập báo cáo đánh giá về hồ sơ gửi Chủ tịch Hội đồng cấp trung ương.

Hội đồng cấp trung ương thực hiện đánh giá thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản; chỉ tổ chức họp trực tiếp khi có nhiều ý kiến đánh giá khác nhau hoặc có nội dung phức tạp cần thảo luận; báo cáo kết quả đánh giá, phân hạng, đề xuất Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận lại đối với các sản phẩm OCOP đáp ứng tiêu chí đạt 5 sao theo quy định.

Việc tổng hợp, trình, quyết định công nhận, cấp giấy chứng nhận cho sản phẩm OCOP đạt 5 sao, công bố, thông báo kết quả đánh giá, phân hạng, xử lý trường hợp sản phẩm không đạt 90 điểm thực hiện theo quy định tại các điểm đ, e và g khoản 4 Điều này.

g) Thời gian tổ chức đánh giá, phân hạng lại sản phẩm OCOP không quá 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị của UBND cấp xã hoặc UBND cấp tỉnh.

Điều 8. Quy định về thu hồi giấy chứng nhận

1. Giấy chứng nhận bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Chủ thể OCOP bị phát hiện cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực hoặc giả mạo hồ sơ trong quá trình đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

b) Sản phẩm OCOP không còn đáp ứng các tiêu chí theo Bộ tiêu chí OCOP theo kết luận kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

c) Sản phẩm OCOP vi phạm quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, sở hữu trí tuệ, ghi nhãn hàng hóa hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

d) Chủ thể OCOP sử dụng nhãn hiệu OCOP không đúng quy định, gây nhầm lẫn về sản phẩm được công nhận.

đ) Chủ thể OCOP không còn hoạt động sản xuất sản phẩm OCOP.

e) Trường hợp khác theo kết luận và đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sản phẩm OCOP không đủ điều kiện tiếp tục được công nhận.

2. Thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận

a) Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thu hồi giấy chứng nhận đối với sản phẩm OCOP được công nhận 3 sao, 4 sao.

b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định thu hồi giấy chứng nhận đối với sản phẩm OCOP được công nhận 5 sao.

3. Trình tự thu hồi giấy chứng nhận

a) Khi phát hiện sản phẩm OCOP thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan tham mưu quản lý OCOP tổ chức kiểm tra, xác minh, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận.

b) Chủ tịch UBND cấp tỉnh và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định thu hồi giấy chứng nhận theo thẩm quyền.

c) Quyết định thu hồi giấy chứng nhận được gửi cho chủ thể OCOP và các cơ quan liên quan.

4. Thời gian thu hồi giấy chứng nhận là 15 ngày kể từ ngày có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về hành vi vi phạm của chủ thể hoặc xác nhận của UBND cấp xã về chủ thể OCOP không còn sản xuất sản phẩm OCOP.

Điều 9. Kiểm tra, giám sát sản phẩm OCOP

1. Kiểm tra, giám sát sản phẩm OCOP nhằm bảo đảm các sản phẩm đã được công nhận OCOP duy trì các yêu cầu theo Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP, đồng thời kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp sản phẩm OCOP không còn đáp ứng yêu cầu hoặc vi phạm quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc kiểm tra, giám sát

a) Thực hiện theo nguyên tắc hậu kiểm, kết hợp kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất khi cần thiết.

b) Bảo đảm khách quan, minh bạch, đúng thẩm quyền, không gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của chủ thể OCOP.

3. Nội dung kiểm tra, giám sát

a) Việc duy trì các tiêu chí của sản phẩm OCOP theo hồ sơ đã được đánh giá, phân hạng.

b) Sử dụng nhãn hiệu OCOP, sử dụng thông tin và quảng bá sản phẩm OCOP.

4. Thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra, giám sát

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan tham mưu quản lý OCOP cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát đối với sản phẩm OCOP trên địa bàn.

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao cơ quan tham mưu quản lý OCOP của Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát đối với sản phẩm OCOP 5 sao hoặc sản phẩm 3 sao, 4 sao khi cần thiết.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát công tác đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP ở cấp tỉnh. Trường hợp phát

hiện công tác đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP không đúng quy định, thì đề nghị UBND cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện lại công tác đánh giá, phân hạng theo đúng quy định và đề nghị Chủ tịch UBND cấp tỉnh thu hồi quyết định công nhận đối với sản phẩm OCOP đã được công nhận nhưng không đúng quy định.

c) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương liên quan và các địa phương nghiên cứu, rà soát, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tiễn.

2. Các Bộ: Công Thương, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương, tổ chức kinh tế nâng cao năng lực, phát triển sản phẩm theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công theo quy định, nhằm nâng cao giá trị, thương hiệu sản phẩm OCOP.

b) Tổ chức kết hợp, lồng ghép công tác kiểm tra, giám sát sản phẩm OCOP với hoạt động kiểm tra, giám sát chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành liên quan tổ chức đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này gắn với đề án, kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP của địa phương.

b) Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng, tính đặc thù và thương hiệu của sản phẩm OCOP gắn với yêu cầu của thị trường, thúc đẩy phát triển sản phẩm OCOP theo hướng xanh, bền vững.

c) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ về công tác đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP trên địa bàn.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Hướng dẫn chủ thể OCOP trên địa bàn hoàn thiện hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

b) Tổ chức triển khai tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ chủ thể OCOP trên địa bàn hoàn thiện tiêu chí, nâng cao chất lượng sản phẩm; lồng ghép nguồn lực của các chương trình, dự án, chính sách có liên quan để phát triển sản phẩm OCOP theo hướng xanh, bền vững.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 5 năm 2026.

2. Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP và Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP hết hiệu lực sau 60 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các sản phẩm đã được cấp có thẩm quyền đánh giá, phân hạng OCOP đạt từ 3 sao đến 5 sao trước ngày Quyết định này có hiệu lực, thì tiếp tục có giá trị đến hết thời hạn theo quyết định công nhận đã được cấp có thẩm quyền cấp.

2. Những sản phẩm đã được chủ thể OCOP nộp hồ sơ đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP trước ngày Quyết định này có hiệu lực, nhưng chưa được cấp có thẩm quyền đánh giá, phân hạng, thì thực hiện như sau:

a) Đối với những sản phẩm đánh giá, phân hạng lần đầu hoặc nâng hạng: Tiếp tục thực hiện theo quy định về đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP của giai đoạn 2021 - 2025, nhưng thời hạn hoàn thành đánh giá, phân hạng không quá 60 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

b) Đối với những sản phẩm đăng ký đánh giá, phân hạng lại: Tiếp tục thực hiện theo quy định về đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP của giai đoạn 2021 - 2025, nhưng thời hạn hoàn thành đánh giá, phân hạng lại không quá 30 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Những sản phẩm thuộc đối tượng đánh giá, phân hạng lại, nhưng thời gian nộp hồ sơ không đáp ứng được thời hạn theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 7 Quyết định này, thì giấy chứng nhận tiếp tục có hiệu lực đến ngày có kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền, nhưng không quá 180 ngày tính từ ngày hết thời hạn. Trong thời gian kéo dài hiệu lực của giấy chứng nhận, chủ thể OCOP phải chịu trách nhiệm về sản phẩm OCOP theo đúng Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP và hồ sơ đăng ký đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, công nhận.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b). **66**

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Quốc Dũng